

Số: 4608 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 27 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện An Lão và vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện An Lão

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ các Thông tư của Bộ, ngành hướng dẫn về vị trí việc làm, ngạch công chức, cơ cấu ngạch công chức các cơ quan hành chính, chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp, cơ cấu chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện An Lão tại Tờ trình số 174/TTr-UBND ngày 09/11/2023 và đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3090/TTr-SNV ngày 11/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện An Lão và vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện An Lão (kèm theo các phụ lục).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện quy định của pháp luật về vị trí việc làm các cơ quan Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện An Lão và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện An Lão đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quản lý việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức theo quy định.

c) Thanh tra, kiểm tra việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức theo quy định và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện An Lão chịu trách nhiệm:

a) Xác định số lượng công chức, số người làm việc theo từng vị trí việc làm đảm bảo không vượt quá số biên chế, số người làm việc được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm và đảm bảo thực hiện lộ trình tinh giản biên chế theo quy định.

b) Phê duyệt Bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm theo quy định.

c) Rà soát, bố trí cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo tiêu chuẩn theo vị trí việc làm đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

d) Thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức và lao động hợp đồng theo quy định.

3. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện An Lão có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm theo quy định.

b) Thực hiện việc sử dụng, quản lý viên chức theo vị trí việc làm đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; đăng ký nhu cầu tuyển dụng, sử dụng, quản lý số người làm việc theo vị trí việc làm được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm và Ủy ban nhân dân huyện giao theo từng vị trí việc làm.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng: số 839/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm; khung định mức biên chế; ngạch công chức tối thiểu và yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện (đối với các nội dung liên quan đến huyện An Lão); số 3675/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện An Lão.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện An Lão, người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện An Lão và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /*sp*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND TP;
- PCVP UBND TP;
- Các Phòng: KSTTHC, TH;
- Lưu: VT, KSTTHC2

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC 1**VỊ TRÍ VIỆC LÀM; TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ; NGẠCH CÔNG CHỨC; CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỌND VÀ CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND HUYỆN AN LÃO**

(Kèm theo Quyết định số 4608/QĐ-UBND ngày 27 /12/2023 của UBND thành phố)

A. VỊ TRÍ VIỆC LÀM; TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ; NGẠCH CÔNG CHỨC

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Tương ứng ngạch công chức	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
A	YÊU CẦU CHUNG			Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	
B	YÊU CẦU CỤ THỂ				
I	NHÓM VTVL LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (32 vị trí)				
1	Lãnh đạo Hội đồng nhân dân (06 vị trí)				
1.1	Chủ tịch HỌND	1		Thực hiện theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Thành ủy quản lý	
1.2	Phó Chủ tịch HỌND	1			
1.3	Trưởng ban Kinh tế - Xã hội, HỌND	1		Thực hiện theo tiêu chuẩn của cán bộ bầu cử	
1.4	Trưởng ban Pháp chế, HỌND	1			
1.5	Phó Trưởng ban Kinh tế - Xã hội, HỌND	1			
1.6	Phó Trưởng ban Pháp chế, HỌND	1			
2	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân (02 vị trí)				
2.1	Chủ tịch UBND	1		Thực hiện theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Thành ủy quản lý	
2.2	Phó Chủ tịch UBND	1			

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Tương ứng ngạch công chức	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
3	Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn và tương đương (24 vị trí)				
3.1	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	1		Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học; Kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán - Kiểm toán; Quản lý xây dựng; Thống kê và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
3.2	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	1			
3.3	Trưởng phòng Tư pháp	1		Trình độ Đại học trở lên nhóm ngành Luật	
3.4	Phó Trưởng phòng Tư pháp	1			
3.5	Trưởng phòng Nội vụ	1		Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Quản trị - Quản lý; Khoa học Chính trị; Kinh tế học và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
3.6	Phó Trưởng phòng Nội vụ	1			
3.7	Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1		Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Xã hội học và Nhân học; Tâm lý học; Kinh tế học; Công tác xã hội; Quản trị - Quản lý; Kế toán - Kiểm toán và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
3.8	Phó Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1			
3.9	Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	1		Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Khoa học giáo dục; Đào tạo giáo viên và một số chuyên ngành/ ngành khác phù hợp	
3.10	Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	1			
3.11	Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin	1		Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Gia đình học; Du lịch, khách sạn, thể dục thể thao; Báo chí và truyền thông; Thông tin - Thư viện; Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng; Xuất bản - Phát hành; Khoa học chính trị; Quản lý công; Hệ thống thông tin quản lý; Luật và một số chuyên ngành/ ngành khác phù hợp	
3.12	Phó Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin	1			
3.13	Chánh Thanh tra	1		Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Quản trị - Quản lý; Kinh tế học; Kế toán - Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản lý tài nguyên và môi trường; Kiến trúc và quy hoạch, Quản lý xây dựng; Quản lý nhà nước; Nông nghiệp và một số chuyên ngành/ ngành khác phù hợp	
3.14	Phó Chánh Thanh tra	1			

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Tương ứng ngạch công chức	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
3.15	Trưởng phòng Y tế	1		Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc nhóm ngành, lĩnh vực: Sức khỏe một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
3.16	Phó Trưởng phòng Y tế	1			
3.17	Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	1		Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Quản trị - Quản lý; Khoa học chính trị; Kế toán - Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Kinh tế học; Báo chí và truyền thông; Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng; Khoa học giáo dục; Thống kê; Quản lý văn hóa; Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Quản lý xây dựng; Máy tính; Công nghệ thông tin; Quản lý Khoa học và công nghệ; Nông, lâm nghiệp và Thủy sản và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
3.18	Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	1			
3.19	Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	1		Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học trái đất; Khoa học môi trường; Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa; Luật và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
3.20	Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	1			
3.21	Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1		Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Nông, lâm nghiệp và Thủy sản; Thú y; Kinh tế học; Luật và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
3.22	Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1			
3.23	Trưởng phòng Kinh tế và hạ tầng	1		Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học; Kinh doanh; Quản lý công nghiệp; Quản lý Khoa học và công nghệ; Kiến trúc và quy hoạch; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng; Luật và một số chuyên ngành/ ngành khác phù hợp	
3.24	Phó Trưởng phòng Kinh tế và hạ tầng	1			
II	NHÓM VTVL NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (119 vị trí)				
1	PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH (10 vị trí)				
1.1	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học; Kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán - Kiểm toán và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Tương ứng ngạch công chức	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
1.2	Chuyên viên về quản lý đầu tư	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học; Kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán - Kiểm toán; Quản lý xây dựng và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
1.3	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	1	Chuyên viên		
1.4	Chuyên viên về quản lý đầu thầu	1	Chuyên viên		
1.5	Chuyên viên về quản lý doanh nghiệp	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học; Kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán - Kiểm toán và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
1.6	Chuyên viên về quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học; Kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán - Kiểm toán và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
1.7	Chuyên viên về quản lý kinh tế đối ngoại	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
1.8	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách	1	Chuyên viên		
1.9	Chuyên viên về quản lý giá	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán - Kiểm toán và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
1.10	Chuyên viên về quản lý tài sản công	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
2	PHÒNG TƯ PHÁP (05 vị trí)				
2.1	Chuyên viên về xây dựng pháp luật	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên nhóm ngành Luật	
2.2	Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở và tiếp cận pháp luật	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên nhóm ngành Luật, Báo chí và truyền thông, Công nghệ thông tin	
2.3	Chuyên viên về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên nhóm ngành Luật	
2.4	Chuyên viên về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên nhóm ngành Luật	
2.5	Chuyên viên về Hành chính tư pháp	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên nhóm ngành Luật và đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Tương ứng ngạch công chức	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
3	PHÒNG NỘI VỤ (07 vị trí)				
3.1	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Quản trị - Quản lý; Khoa học Chính trị; Kinh tế học và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
3.2	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	1	Chuyên viên		
3.3	Chuyên viên về cải cách hành chính	1	Chuyên viên		
3.4	Chuyên viên về địa giới hành chính	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Quản trị - Quản lý; Khoa học Chính trị; Kinh tế học; Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
3.5	Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Quản trị - Quản lý; Khoa học Chính trị; Kinh tế học; Tôn giáo học; Quản lý văn hóa và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
3.6	Chuyên viên về thi đua - khen thưởng	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Quản trị - Quản lý; Khoa học Chính trị; Kinh tế học; Kinh doanh và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
3.7	Chuyên viên về quản lý văn thư - lưu trữ	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Văn thư - Lưu trữ; Thông tin - Thư viện; Luật; Quản trị - Quản lý và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
4	PHÒNG LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH & XÃ HỘI (16 vị trí)				
4.1	Chuyên viên về lao động tiền lương	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Quản trị - Quản lý; Kinh tế học; Kế toán - Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
4.2	Chuyên viên về an toàn, vệ sinh lao động	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Quản trị - Quản lý; Bảo hộ lao động và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Tương ứng ngạch công chức	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
4.3	Chuyên viên về bảo hiểm xã hội	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; Luật; Kế toán - Kiểm toán; và một số chuyên ngành/ ngành khác phù hợp	
4.4	Chuyên viên về việc làm	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Công tác xã hội; Quản trị - Quản lý; Kinh tế học; Giáo dục và phát triển cộng đồng; Thống kê; Luật và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
4.5	Chuyên viên về người có công	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Công tác xã hội; Quản lý nhà nước; Kế toán - Kiểm toán và một số chuyên ngành/ ngành khác phù hợp	
4.6	Chuyên viên về bình đẳng giới	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Công tác xã hội; Xã hội học và Nhân học; Tâm lý học; Gia đình học; Quản lý nhà nước và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
4.7	Chuyên viên về giảm nghèo	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Công tác xã hội; Xã hội học và Nhân học; Tâm lý học; Gia đình học; Quản lý nhà nước; Thống kê và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	Kiểm nhiệm
4.8	Chuyên viên về bảo trợ xã hội	1	Chuyên viên		
4.9	Chuyên viên về phòng, chống tệ nạn xã hội	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Công tác xã hội; Xã hội học và Nhân học; Tâm lý học; Giáo dục và phát triển cộng đồng và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
4.10	Chuyên viên về trẻ em	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Công tác xã hội; Xã hội học và Nhân học; Tâm lý học; Gia đình học; Giáo dục đặc biệt; Giáo dục và phát triển cộng đồng và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
4.11	Chuyên viên về quản lý về cơ sở vật chất và thiết bị	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Thống kê; Kế toán - kiểm toán; Kinh tế học; Quản lý công; Quản lý nhà nước và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Tương ứng ngạch công chức	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
4.12	Chuyên viên về đào tạo (gồm đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên)	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Công tác xã hội; Quản trị nhân lực; Khoa học giáo dục; Giáo dục và phát triển cộng đồng và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
4.13	Chuyên viên về công tác học sinh, sinh viên	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
4.14	Chuyên viên về quản lý kỹ năng nghề	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
4.15	Chuyên viên về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
4.16	Chuyên viên về kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
5	PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (07 vị trí)				
5.1	Chuyên viên về quản lý chương trình giáo dục	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Khoa học giáo dục; Đào tạo giáo viên và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
5.2	Chuyên viên về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	1	Chuyên viên		
5.3	Chuyên viên về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	1	Chuyên viên		
5.4	Chuyên viên về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	1	Chuyên viên		
5.5	Chuyên viên về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên)	1	Chuyên viên		
5.6	Chuyên viên về quản lý người học (tuyển sinh đào tạo, chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	1	Chuyên viên		
5.7	Chuyên viên về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Thống kê; Kế toán - kiểm toán; Kinh tế học; Quản lý công; Quản lý nhà nước và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Tương ứng ngạch công chức	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
6	PHÒNG VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN (20 vị trí)				
6.1	Chuyên viên về quản lý Di sản văn hoá	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Quản lý văn hóa, Văn hóa học; Bảo tàng học; Triết học; Lịch sử; Tôn giáo học; Việt Nam học; Đông Phương học; Nghệ thuật và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
6.2	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (gồm quản lý thư viện, quản lý văn hóa dân tộc)	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Quản lý văn hóa, Văn hóa học; Nghệ thuật và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
6.3	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực gia đình	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Gia đình học; Xã hội học và Nhân học; Tâm lý học; Luật và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
6.4	Chuyên viên về quản lý thể dục thể thao cho mọi người	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Thể dục, Thể thao và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	Kiểm nhiệm
6.5	Chuyên viên về quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp	1	Chuyên viên		
6.6	Chuyên viên về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Du lịch, khách sạn; Báo chí và Thông tin; Luật; Quan hệ quốc tế và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
6.7	Chuyên viên về quản lý báo chí	1	Chuyên viên		
6.8	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
6.9	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
6.10	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
6.11	Chuyên viên về quản lý xuất bản	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Tương ứng ngạch công chức	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
6.12	Chuyên viên về quản lý in	1	Chuyên viên		
6.13	Chuyên viên về quản lý phát hành	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
6.14	Chuyên viên về quản lý bưu chính	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
6.15	Chuyên viên về quản lý thông tin điện tử	1	Chuyên viên		
6.16	Chuyên viên về quản lý viễn thông	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Thông tin - Thư viện; Công nghệ thông tin và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	Kiểm nhiệm
6.17	Chuyên viên về quản lý tần số vô tuyến điện	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
6.18	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin (gồm: công nghiệp CNTT, ứng dụng CNTT, chuyên đổi số)	1	Chuyên viên		
6.19	Chuyên viên về quản lý giao dịch điện tử	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
6.20	Chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	1	Chuyên viên		
7	THANH TRA (08 vị trí)				
7.1	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn	1	Thanh tra viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Khoa học chính trị; Quản trị - Quản lý; Kinh tế học; Kế toán - Kiểm toán, Tài chính - Ngân hàng; Quản lý tài nguyên và môi trường; Kiến trúc và quy hoạch, Quản lý xây dựng; Nông nghiệp và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
7.2	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	1	Chuyên viên		
7.3	Thanh tra viên về công tác Thanh tra	1	Thanh tra viên		
7.4	Chuyên viên về công tác Thanh tra	1	Chuyên viên		

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Tương ứng ngạch công chức	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
7.5	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	1	Thanh tra viên		
7.6	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	1	Chuyên viên		
7.7	Thanh tra viên về thanh tra phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	1	Thanh tra viên		
7.8	Chuyên viên về thanh tra phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	1	Chuyên viên		
8	PHÒNG Y TẾ (08 vị trí)				
8.1	Chuyên viên về kiểm soát bệnh tật	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành: Y, Y học dự phòng, Y tế công cộng một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
8.2	Chuyên viên về trang thiết bị công trình y tế	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Y học; Dược học; Quản lý y tế và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
8.3	Chuyên viên về dược	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành Dược và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
8.4	Chuyên viên về an toàn thực phẩm	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành: Y; Dược; Dinh dưỡng; Thực phẩm; Luật; Y tế công cộng và một số chuyên ngành phù hợp	
8.5	Chuyên viên về dân số	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Gia đình học; Y học; Dược học; Quản lý y tế và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	Kiểm nhiệm
8.6	Chuyên viên về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành: Y, Y tế công cộng và một số chuyên ngành phù hợp	Kiểm nhiệm
8.7	Chuyên viên về quản lý khám, chữa bệnh	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên khối ngành Sức khỏe: Y khoa; Y tế công cộng; Điều dưỡng và một số chuyên ngành phù hợp	
8.8	Chuyên viên về bảo hiểm y tế	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành: Y; Dược; Kinh tế; Tài chính; Bảo hiểm và một số chuyên ngành khác phù hợp	Kiểm nhiệm

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Tương ứng ngạch công chức	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
9	VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND (05 vị trí)				
9.1	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật; Quản trị - Quản lý; Khoa học chính trị; Kế toán - Kiểm toán, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế học; Thống kê; Báo chí và truyền thông; Kiến trúc và quy hoạch, Quản lý xây dựng; Quản lý tài nguyên và môi trường; Nông nghiệp; Khoa học giáo dục và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
9.2	Chuyên viên về thư ký - biên tập	1	Chuyên viên		
9.3	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	1	Chuyên viên		
9.4	Chuyên viên về quản lý thông tin lãnh đạo	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
9.5	Chuyên viên về công tác dân tộc	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Dân tộc học; Luật; Quản trị - Quản lý; Khoa học chính trị và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	Kiểm nhiệm
10	PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (07 vị trí)				
10.1	Chuyên viên về khoáng sản	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học trái đất; Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
10.2	Chuyên viên về Đo đạc và bản đồ	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Khoa học trái đất; Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
10.3	Chuyên viên về quản lý đất đai	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Quản lý đất đai; Địa chất học, Bản đồ học; Địa chất học, Bản đồ học; Xây dựng; Luật và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
10.4	Chuyên viên về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học trái đất; Khoa học môi trường; Sinh học; Công nghệ sinh học; Kỹ thuật sinh học; Luật và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
10.5	Chuyên viên về biến đổi khí hậu	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Tương ứng ngạch công chức	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
				học trái đất; Khoa học môi trường; Luật và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
10.6	Chuyên viên về môi trường	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học trái đất; Khoa học môi trường, Kỹ thuật môi trường; Xây dựng; Luật và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
10.7	Chuyên viên về tài nguyên nước	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học trái đất; Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa; Xây dựng và một số chuyên ngành/ ngành khác phù hợp	
11	PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (07 vị trí)				
11.1	Chuyên viên về quản lý trồng trọt và bảo vệ thực vật	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Nông nghiệp; Lâm nghiệp và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
11.2	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi, thú y	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Nông nghiệp; Thú y và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
11.3	Chuyên viên về quản lý thủy sản	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Nông nghiệp; Thủy sản và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
11.4	Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Nông nghiệp; Lâm nghiệp và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
11.5	Chuyên viên về quản lý thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai và nước sạch nông thôn	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc nhóm ngành Nông nghiệp và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
11.6	Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học; Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Thủy sản; Thú y và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Tương ứng ngạch công chức	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
11.7	Chuyên viên về phát triển nông thôn	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học; Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Thủy sản; Tài chính - Ngân hàng, Kế toán và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
12	PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG (19 vị trí)				
12.1	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Quản lý Khoa học và công nghệ; Khoa học dữ liệu; Khoa học máy tính; Quản lý công nghiệp; Luật và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
12.2	Chuyên viên về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ)	1	Chuyên viên		
12.3	Chuyên viên về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hoá	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
12.4	Chuyên viên về quản lý hoạt động đo lường	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
12.5	Chuyên viên về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
12.6	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Khai thác vận tải; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Xây dựng; Luật và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
12.7	Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
12.8	Chuyên viên về quản lý vận tải	1	Chuyên viên		
12.9	Chuyên viên về quản lý đăng kiểm				
12.10	Chuyên viên về quản lý phương tiện và người lái				

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Tương ứng ngạch công chức	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
12.11	Chuyên viên về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế đầu tư; Luật và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	Kiểm nhiệm
12.12	Chuyên viên về quản lý công nghiệp	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học; Kỹ thuật; Tài chính - Ngân hàng; Chính sách công; Kinh doanh; Quản lý công nghiệp; Luật và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	Kiểm nhiệm
12.13	Chuyên viên về quản lý thương mại trong nước	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học; Kinh doanh; Luật; Tài chính - Ngân hàng; Công nghệ thông tin; Ngoại ngữ, ngoại giao và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp	
12.14	Chuyên viên về quản lý nhà ở	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kiến trúc và quy hoạch, Xây dựng, Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng; Luật một số chuyên ngành khác phù hợp	
12.15	Chuyên viên về quản lý công sở	1	Chuyên viên		
12.16	Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	1	Chuyên viên		
12.17	Chuyên viên về quản lý vật liệu xây dựng	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
12.18	Chuyên viên về quản lý quy hoạch xây dựng	1	Chuyên viên		
12.19	Chuyên viên về quản lý kiến trúc	1	Chuyên viên		Kiểm nhiệm
III	NHÓM VTVL CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (08 vị trí thuộc Văn phòng HĐND&UBND huyện)				
1	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên một trong số các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật, Quản trị - Quản lý, Khoa học chính trị, Kinh tế học, Máy tính và công nghệ thông tin, Kế toán, Kiểm toán và một số chuyên ngành khác phù hợp	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Tương ứng ngạch công chức	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú	
2	Chuyên viên về truyền thông	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên một trong số các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật, Quản trị - Quản lý, Khoa học chính trị, Kinh tế học, Máy tính và công nghệ thông tin và một số chuyên ngành khác phù hợp	Kiểm nhiệm	
3	Chuyên viên về quản trị công sở	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên một trong số các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật, Quản trị - Quản lý, Khoa học chính trị, Kinh tế học, Máy tính và công nghệ thông tin, Kế toán, Kiểm toán và một số chuyên ngành khác phù hợp		
4	Kế toán viên	1	Kế toán viên hoặc tương đương	Trình độ Đại học trở lên ngành Kế toán Kiểm toán; Tài chính.		
5	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách Kế toán)	1		Trình độ Đại học trở lên ngành Kế toán; Kiểm toán; Tài chính.	Kiểm nhiệm	
6	Văn thư viên	1	Văn thư viên hoặc tương đương	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp		
7	Chuyên viên về Lưu trữ	1		Trình độ đại học trở lên ngành lưu trữ. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ lưu trữ do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành lưu trữ	Vị trí kiểm nhiệm	
8	Chuyên viên về Thủ quỹ	1		Trình độ Đại học trở lên một trong số các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí công tác thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật, Quản trị - Quản lý, Kinh tế học và một số chuyên ngành khác phù hợp	Vị trí kiểm nhiệm	
IV	NHÓM VTVL HỖ TRỢ PHỤC VỤ (04 vị trí thuộc Văn phòng HĐND&UBND huyện)					
1	Nhân viên kỹ thuật	1		Lao động hợp đồng		
2	Nhân viên Lái xe	1		Lao động hợp đồng		

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Tương ứng ngạch công chức	Yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
3	Nhân viên Phục vụ	1		Lao động hợp đồng	
4	Nhân viên Bảo vệ	1		Lao động hợp đồng	

B. CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

TT	Số lượng/loại ngạch công chức		Tỷ lệ ngạch công chức (không tính lãnh đạo, quản lý)	Ghi chú
	Số lượng ngạch công chức	Loại ngạch công chức		
1	02	Ngạch Chuyên viên chính hoặc tương đương	0 %	
		Ngạch Chuyên viên hoặc tương đương	100 %	

PHỤ LỤC 2

VỊ TRÍ VIỆC LÀM; TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ; CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP, HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP; CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC THUỘC UBND HUYỆN AN LÃO

(Kèm theo Quyết định số 4608/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND thành phố)

A. VỊ TRÍ VIỆC LÀM; TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ; CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP, HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	CDNN	Hạng CDNN tương ứng	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
*	YÊU CẦU CHUNG				Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu vị trí việc làm	
*	YÊU CẦU CỤ THỂ					
I	TRƯỜNG MẦM NON	18				
<i>1</i>	<i>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý</i>	<i>2</i>				
1.1	Hiệu trưởng	1			Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm giáo dục mầm non trở lên	
1.2	Phó Hiệu trưởng	1				
<i>2</i>	<i>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành</i>	<i>4</i>				
2.1	Giáo viên mầm non hạng I	1	Giáo viên mầm non hạng I	Hạng I	Có bằng Cử nhân giáo dục mầm non trở lên; hoặc có bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non và có bằng Cử nhân Quản lý giáo dục trở lên	
2.2	Giáo viên mầm non hạng II	1	Giáo viên mầm non hạng II	Hạng II		
2.3	Giáo viên mầm non hạng III	1	Giáo viên mầm non hạng III	Hạng III	Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non trở lên	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	CDNN	Hạng CDNN tương ứng	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
2.4	Viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1	Viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật		Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật hoặc có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên một trong các ngành, nghề thuộc lĩnh vực, nhóm ngành, nghề: Đào tạo giáo viên, Tâm lý học, Công tác xã hội, Sức khỏe (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội)	
3	<i>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung</i>	9				
3.1	Kế toán viên trung cấp	1	Kế toán viên trung cấp		Có bằng Cao đẳng trở lên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán	
3.2	Kế toán viên	1	Kế toán viên		Có bằng Đại học trở lên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán	
3.3	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách Kế toán)	1			Có bằng Cao đẳng/Đại học trở lên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán	Vị trí kiêm nhiệm
3.4	Thư viện viên hạng II	1	Thư viện viên hạng II	Hạng II	Có bằng Đại học trở lên chuyên ngành Thông tin - Thư viện. Trường hợp có bằng Đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp	
3.5	Thư viện viên hạng III	1	Thư viện viên hạng III	Hạng III		
3.6	Thư viện viên hạng IV	1	Thư viện viên hạng IV	Hạng IV	Có bằng Trung cấp trở lên chuyên ngành Thông tin - Thư viện. Trường hợp có bằng Trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan tổ chức có thẩm quyền cấp	
3.7	Văn thư viên	1	Văn thư viên		Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	CDNN	Hạng CDNN tương ứng	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
3.8	Văn thư viên trung cấp	1	Văn thư viên trung cấp		Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư Hành chính, Văn thư - lưu trữ, Lưu trữ, Lưu trữ và Quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp	
3.9	Nhân viên Thủ quỹ	1			Có trình độ, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm	Vị trí kiêm nhiệm
4	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	3				
4.1	Nhân viên nấu ăn	1			Lao động hợp đồng	
4.2	Nhân viên Bảo vệ	1			Lao động hợp đồng	
4.3	Nhân viên Phục vụ	1			Lao động hợp đồng	
II	TRƯỜNG TIỂU HỌC	21				
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	2				
1.1	Hiệu trưởng	1			Có bằng Cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên đối với giáo viên tiểu học, hoặc có bằng Cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	
1.2	Phó Hiệu trưởng	1				
2	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	6				
2.1	Giáo viên tiểu học hạng I	1	Giáo viên tiểu học hạng I	Hạng I	Có bằng Cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên đối với giáo viên tiểu học. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	
2.2	Giáo viên Tiểu học hạng II	1	Giáo viên Tiểu học hạng II	Hạng II		

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	CDNN	Hạng CDNN tương ứng	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
2.3	Giáo viên Tiểu học hạng III	1	Giáo viên Tiểu học hạng III	Hạng III	(Đối với Giáo viên Tổng phụ trách: có thêm nghiệp vụ công tác Đội cùng chuyên ngành giảng dạy hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đội theo quy định)	
2.4	Giáo vụ	1	Viên chức giáo vụ		Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm trở lên (hoặc có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm giáo vụ)	
2.5	Tư vấn học sinh	1			Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm tư vấn học sinh	
2.6	Viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1	Viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật		Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật hoặc có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên một trong các ngành, nghề thuộc lĩnh vực, nhóm ngành, nghề: Đào tạo giáo viên, Tâm lý học, Công tác xã hội, Sức khỏe (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội)	
3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	10				
3.1	Kế toán viên trung cấp	1	Kế toán viên trung cấp		Có bằng Cao đẳng trở lên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán.	
3.2	Kế toán viên	1	Kế toán viên		Có bằng Đại học trở lên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán.	
3.3	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách Kế toán)	1			Có bằng Cao đẳng/Đại học trở lên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán.	Vị trí kiêm nhiệm
3.4	Thư viện viên hạng II	1	Thư viện viên hạng II	Hạng II	Có bằng Đại học trở lên chuyên ngành Thông tin - Thư viện. Trường hợp có bằng Đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp	
3.5	Thư viện viên hạng III	1	Thư viện viên hạng III	Hạng III		
3.6	Thư viện viên hạng IV	1	Thư viện viên hạng IV	Hạng IV	Có bằng Trung cấp trở lên chuyên ngành Thông tin - Thư viện. Trường hợp có bằng Trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	CDNN	Hạng CDNN tương ứng	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
					chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan tổ chức có thẩm quyền cấp	
3.7	Văn thư viên	1	Văn thư viên		Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp	
3.8	Văn thư viên trung cấp	1	Văn thư viên trung cấp		Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư Hành chính, Văn thư - lưu trữ, Lưu trữ, Lưu trữ và Quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp	
3.9	Nhân viên Thủ quỹ	1			Có trình độ, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm	Vị trí kiêm nhiệm
3.10	Chuyên viên về quản trị công sở	1			Có trình độ, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm	Vị trí kiêm nhiệm
4	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	3				
4.1	Nhân viên nấu ăn	1			Lao động hợp đồng	
4.2	Nhân viên Bảo vệ	1			Lao động hợp đồng	
4.3	Nhân viên Phục vụ	1			Lao động hợp đồng	
III	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ	22				
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	2				
1.1	Hiệu trưởng	1			Có bằng Cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên đối với giáo viên trung học cơ sở, hoặc có bằng Cử nhân chuyên ngành phù hợp	
1.2	Phó Hiệu trưởng	1			và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	CDNN	Hạng CDNN tương ứng	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
2	<i>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành</i>	7				
2.1	Giáo viên trung học cơ sở hạng I	1	Giáo viên THCS hạng I	Hạng I	Có bằng Cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học cơ sở. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng Cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. (Đối với Giáo viên Tổng phụ trách: có thêm nghiệp vụ công tác Đội cùng chuyên ngành giảng dạy hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đội theo quy định)	
2.2	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	1	Giáo viên THCS hạng II	Hạng II		
2.3	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	1	Giáo viên THCS hạng III	Hạng III		
2.4	Nhân viên Thiết bị - thí nghiệm	1	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm		Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị thí nghiệm trường học)	
2.5	Giáo vụ	1	Viên chức giáo vụ		Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm trở lên (hoặc có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm giáo vụ)	
2.6	Tư vấn học sinh	1			Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm tư vấn học sinh	
2.7	Viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1	Viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật		Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật hoặc có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên một trong các ngành, nghề thuộc lĩnh vực, nhóm ngành, nghề: Đào tạo giáo viên, Tâm lý học, Công tác xã hội, Sức khỏe (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội)	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	CDNN	Hạng CDNN tương ứng	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
3	<i>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung</i>	10				
3.1	Kế toán viên trung cấp	1	Kế toán viên trung cấp		Có bằng Cao đẳng trở lên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán.	
3.2	Kế toán viên	1	Kế toán viên		Có bằng Đại học trở lên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán.	
3.3	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách Kế toán)	1			Có bằng Cao đẳng/Đại học trở lên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán.	Vị trí kiêm nhiệm
3.4	Thư viện viên hạng II	1	Thư viện viên hạng II	Hạng II	Có bằng Đại học trở lên chuyên ngành Thông tin - Thư viện. Trường hợp có bằng Đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp	
3.5	Thư viện viên hạng III	1	Thư viện viên hạng III	Hạng III		
3.6	Thư viện viên hạng IV	1	Thư viện viên hạng IV	Hạng IV	Có bằng Trung cấp trở lên chuyên ngành Thông tin - Thư viện. Trường hợp có bằng Trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan tổ chức có thẩm quyền cấp	
3.7	Văn thư viên	1	Văn thư viên		Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp	
3.8	Văn thư viên trung cấp	1	Văn thư viên trung cấp		Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư Hành chính, Văn thư - lưu trữ, Lưu trữ, Lưu trữ và Quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp	
3.9	Nhân viên Thủ quỹ	1			Có trình độ, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm	Vị trí kiêm nhiệm

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	CDNN	Hạng CDNN tương ứng	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
3.10	Chuyên viên về quản trị công sở	1			Có trình độ, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm	Vị trí kiêm nhiệm
4	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	3				
4.1	Nhân viên nấu ăn	1			Lao động hợp đồng	
4.2	Nhân viên Bảo vệ	1			Lao động hợp đồng	
4.3	Nhân viên Phục vụ	1			Lao động hợp đồng	
IV	TRƯỜNG TIỂU HỌC & TRUNG HỌC CƠ SỞ	25				
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	2				
1.1	Hiệu trưởng	1			Trình độ Đại học Sư phạm (giáo dục) trở lên phù hợp bậc Tiểu học/Trung học cơ sở hoặc bằng Đại học trở lên các ngành phù hợp bậc Tiểu học/Trung học cơ sở và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm tiểu học/trung học cơ sở	
1.2	Phó Hiệu trưởng	1				
2	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	10				
2.1	Giáo viên tiểu học hạng I	1	Giáo viên tiểu học hạng I	Hạng I	Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng Đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. (Đối với Giáo viên Tổng phụ trách: có thêm nghiệp vụ công tác Đội cùng chuyên ngành giảng dạy hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đội theo quy định)	
2.2	Giáo viên tiểu học hạng II	1	Giáo viên tiểu học hạng II	Hạng II		
2.3	Giáo viên tiểu học hạng III	1	Giáo viên tiểu học hạng III	Hạng III		
2.4	Giáo viên trung học cơ sở hạng I	1	Giáo viên THCS hạng I	Hạng I		Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học cơ sở. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	CDNN	Hạng CDNN tương ứng	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
2.5	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	1	Giáo viên THCS hạng II	Hạng II	Đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. (Đối với Giáo viên Tổng phụ trách: có thêm nghiệp vụ công tác Đội cùng chuyên ngành giảng dạy hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đội theo quy định)	
2.6	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	1	Giáo viên THCS hạng III	Hạng III		
2.7	Nhân viên Thiết bị - Thí nghiệm	1	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm		Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị thí nghiệm trường học)	
2.8	Giáo vụ	1	Viên chức giáo vụ		Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm trở lên (hoặc có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm giáo vụ)	
2.9	Tư vấn học sinh	1			Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm tư vấn học sinh	
2.10	Viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1	Viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật		Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật hoặc có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên một trong các ngành, nghề thuộc lĩnh vực, nhóm ngành, nghề: Đào tạo giáo viên, Tâm lý học, Công tác xã hội, Sức khỏe (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội)	
3	<i>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung</i>	10				
3.1	Kế toán viên trung cấp	1	Kế toán viên trung cấp		Có bằng Cao đẳng trở lên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán	
3.2	Kế toán viên	1	Kế toán viên		Có bằng Đại học trở lên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán	
3.3	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách Kế toán)	1			Có bằng Cao đẳng/Đại học trở lên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán	Vị trí kiêm nhiệm

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	CDNN	Hạng CDNN tương ứng	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
3.4	Thư viện viên hạng II	1	Thư viện viên hạng II	Hạng II	Có bằng Đại học trở lên chuyên ngành Thông tin - Thư viện. Trường hợp có bằng Đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp	
3.5	Thư viện viên hạng III	1	Thư viện viên hạng III	Hạng III		
3.6	Thư viện viên hạng IV	1	Thư viện viên hạng IV	Hạng IV		Có bằng Trung cấp trở lên chuyên ngành Thông tin - Thư viện. Trường hợp có bằng Trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan tổ chức có thẩm quyền cấp
3.7	Văn thư viên	1	Văn thư viên		Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp	
3.8	Văn thư viên trung cấp	1	Văn thư viên trung cấp		Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư Hành chính, Văn thư - lưu trữ, Lưu trữ, Lưu trữ và Quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp	
3.9	Nhân viên Thủ quỹ	1			Có trình độ, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm	Vị trí kiểm nhiệm
3.10	Chuyên viên về quản trị công sở	1			Có trình độ, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm	
4	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	3				
4.1	Nhân viên nấu ăn	1			Lao động hợp đồng	
4.2	Nhân viên Bảo vệ	1			Lao động hợp đồng	
4.3	Nhân viên Phục vụ	1			Lao động hợp đồng	
IV	TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN	19				

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	CDNN	Hạng CDNN tương ứng	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
1	<i>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý</i>	2				
1.1	Giám đốc	1			Trình độ Đại học Sư phạm (giáo dục) hoặc Đại học trở lên các ngành phù hợp với vị trí công việc	
1.2	Phó Giám đốc	1				
2	<i>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành</i>	9				
2.1	Giáo viên THPT hạng I	1	Giáo viên THPT hạng I	Hạng I	Có bằng Thạc sĩ trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên Trung học phổ thông hoặc có bằng Thạc sĩ trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy hoặc có bằng thạc sĩ quản lý giáo dục trở lên	
2.2	Giáo viên THPT hạng II	1	Giáo viên THPT hạng II	Hạng II	Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học phổ thông. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	
2.3	Giáo viên THPT hạng III	1	Giáo viên THPT hạng III	Hạng III		
2.4	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II	1	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II	Hạng II	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên dạy lý thuyết có bằng Thạc sĩ trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; giáo viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng cử nhân trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp theo quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. - Có văn bằng, chứng chỉ đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. 	
2.5	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III	1	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III	Hạng III	<ul style="list-style-type: none"> - Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy - Có văn bằng, chứng chỉ đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. 	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	CDNN	Hạng CDNN tương ứng	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
2.6	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III	1	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III	Hạng III	- Có văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn về kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; - Có văn bằng, chứng chỉ đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.	
2.7	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV	1	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV	Hạng IV	- Trình độ Trung cấp chuyên nghiệp; hoặc Trung cấp nghề; hoặc Trung cấp trở lên ngành đào tạo phù hợp với ngành nghề giảng dạy; hoặc có văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn về kỹ năng nghề phù hợp để dạy trình độ sơ cấp theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo dục nghề nghiệp. - Có trình độ nghiệp vụ sư phạm theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo dục nghề nghiệp	
2.8	Giáo vụ	1	Viên chức giáo vụ		Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm trở lên (hoặc có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm giáo vụ)	
2.9	Tư vấn học sinh	1			Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm tư vấn học sinh	
3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	6				
3.1	Kế toán viên trung cấp	1	Kế toán viên trung cấp		Có bằng Cao đẳng trở lên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán.	
3.2	Kế toán viên	1	Kế toán viên		Có bằng Đại học trở lên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán	
3.3	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách Kế toán)	1			Có bằng Cao đẳng/Đại học trở lên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán.	Vị trí kiêm nhiệm
3.4	Văn thư viên	1	Văn thư viên		Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	CDNN	Hạng CDNN tương ứng	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
					chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp	
3.5	Văn thư viên trung cấp	1	Văn thư viên trung cấp		Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư Hành chính, Văn thư - lưu trữ, Lưu trữ, Lưu trữ và Quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp	
3.6	Nhân viên Thủ quỹ	1			Có trình độ, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm	Vị trí kiêm nhiệm
4	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	2				
4.1	Nhân viên Bảo vệ	1			Lao động hợp đồng	
4.2	Nhân viên Phục vụ	1			Lao động hợp đồng	

B. CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

TT	Loại hình tổ chức	Số lượng/hạng CDNN		Tỷ lệ viên chức theo hạng CDNN (%) (không tính lãnh đạo, quản lý)
		Số lượng hạng CDNN	Hạng CDNN	
1	Trường Mầm non	04	Hạng I hoặc tương đương	5%
			Hạng II hoặc tương đương	10%
			Hạng III hoặc tương đương	75%
			Hạng IV hoặc tương đương	10%
2	Trường Tiểu học	04	Hạng I hoặc tương đương	5%
			Hạng II hoặc tương đương	35%
			Hạng III hoặc tương đương	50%
			Hạng IV hoặc tương đương	10%
3	Trường Trung học cơ sở	04	Hạng I hoặc tương đương	5%
			Hạng II hoặc tương đương	60%
			Hạng III hoặc tương đương	25%
			Hạng IV hoặc tương đương	10%
4	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở	04	Hạng I hoặc tương đương	5%
			Hạng II hoặc tương đương	45%
			Hạng III hoặc tương đương	40%
			Hạng IV hoặc tương đương	10%
5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	04	Hạng I hoặc tương đương	5%
			Hạng II hoặc tương đương	10%
			Hạng III hoặc tương đương	80%
			Hạng IV hoặc tương đương	5%

PHỤ LỤC 3

VỊ TRÍ VIỆC LÀM; TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ; CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP, HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP; CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TRUNG TÂM VĂN HÓA - THÔNG TIN VÀ THỂ THAO HUYỆN AN LÃO

(Kèm theo Quyết định số 4608/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND thành phố)

A. VỊ TRÍ VIỆC LÀM; TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ; CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP, HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng CDNN tương ứng	Có bằng chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
*	YÊU CẦU CHUNG	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu vị trí việc làm				
*	YÊU CẦU CỤ THỂ					
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	2				
1.1	Giám đốc	1			Có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên ngành phù hợp với lĩnh vực Văn hóa, Thông tin, thể thao, Báo chí và truyền thông	
1.2	Phó giám đốc	1				
2	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	36				
2.1	Thư viện viên hạng II	1	Thư viện viên hạng II	Hạng II	Có bằng Đại học trở lên chuyên ngành Thông tin - Thư viện. Trường hợp có bằng Đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp	
2.2	Thư viện viên hạng III	1	Thư viện viên hạng III	Hạng III		
2.3	Thư viện viên hạng IV	1	Thư viện viên hạng IV	Hạng IV		Có bằng Trung cấp trở lên chuyên ngành Thông tin - Thư viện. Trường hợp có bằng Trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan tổ chức có thẩm quyền cấp

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng CDNN tương ứng	Có bằng chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
2.4	Di sản viên hạng II	1	Di sản viên hạng II	Hạng II	Có bằng Đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực di sản văn hóa	
2.5	Di sản viên hạng III	1	Di sản viên hạng III	Hạng III		
2.6	Di sản viên hạng IV	1	Di sản viên hạng IV	Hạng IV		Có bằng Trung cấp trở lên phù hợp với lĩnh vực di sản văn hóa
2.7	Phương pháp viên/ Hướng dẫn viên văn hóa hạng II	1	Phương pháp viên/ Hướng dẫn viên văn hóa hạng II	Hạng II	Có bằng Đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực văn hóa cơ sở	
2.8	Phương pháp viên/ Hướng dẫn viên văn hóa hạng III	1	Phương pháp viên/ Hướng dẫn viên văn hóa hạng III	Hạng III		
2.9	Phương pháp viên/ Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV	1	Phương pháp viên/ Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV	Hạng IV		Có bằng Trung cấp trở lên phù hợp với lĩnh vực văn hóa cơ sở
2.10	Đạo diễn nghệ thuật hạng II	1	Đạo diễn nghệ thuật hạng II	Hạng II	Có bằng Đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành Nghệ thuật biểu diễn và Điện ảnh. Trường hợp có bằng Đại học trở lên chuyên ngành khác phải được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.	
2.11	Đạo diễn nghệ thuật hạng III	1	Đạo diễn nghệ thuật hạng III	Hạng III		
2.12	Đạo diễn nghệ thuật hạng IV	1	Đạo diễn nghệ thuật hạng IV	Hạng IV		Có bằng Trung cấp trở lên phù hợp với chuyên ngành Nghệ thuật biểu diễn và Điện ảnh.
2.13	Họa sĩ hạng II	1	Họa sĩ hạng II	Hạng II	Có bằng Đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành Mỹ thuật. Trường hợp có bằng Đại học trở lên chuyên ngành khác phải được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật	
2.14	Họa sĩ hạng III	1	Họa sĩ hạng III	Hạng III		
2.15	Họa sĩ hạng IV	1	Họa sĩ hạng IV	Hạng IV		Có bằng Trung cấp trở lên phù hợp với chuyên ngành Mỹ thuật

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng CDNN tương ứng	Có bằng chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
2.16	Tuyên truyền viên văn hóa	1	Tuyên truyền viên văn hóa	Hạng III	Có bằng Đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành Tuyên truyền viên văn hóa	Vị trí kiêm nhiệm
2.17	Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp	1	Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp	Hạng IV	Có bằng Trung cấp trở lên phù hợp với chuyên ngành Tuyên truyền viên văn hóa	Vị trí kiêm nhiệm
2.18	Huấn luyện viên chính hạng II	1	Huấn luyện viên chính hạng II	Hạng II	Có bằng Đại học trở lên ngành hoặc chuyên ngành Thể dục thể thao	
2.19	Huấn luyện viên hạng III	1	Huấn luyện viên hạng III	Hạng III		
2.20	Huấn luyện viên hạng IV	1	Huấn luyện viên hạng IV	Hạng IV	Có bằng Trung cấp Thể dục thể thao trở lên. Trường hợp có bằng Trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thể dục thể thao	
2.21	Phóng viên/Biên tập viên hạng II	1	Phóng viên/Biên tập viên hạng II	Hạng II	Có bằng Đại học trở lên ngành Báo chí, Xuất bản. Trường hợp có bằng Đại học ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng về nghiệp vụ Báo chí, Xuất bản hoặc có bằng Cao đẳng, Trung cấp ngành Báo chí, Xuất bản	
2.22	Phóng viên/Biên tập viên hạng III	1	Phóng viên/Biên tập viên hạng III	Hạng III		
2.23	Đạo diễn truyền hình hạng II	1 (kiêm nhiệm)	Đạo diễn truyền hình hạng II	Hạng II	Có bằng Đại học trở lên ngành Đạo diễn	
2.24	Đạo diễn truyền hình hạng III	1 (kiêm nhiệm)	Đạo diễn truyền hình hạng III	Hạng III		
2.25	Âm thanh viên hạng II	1 (kiêm nhiệm)	Âm thanh viên hạng II	Hạng II	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành âm thanh, điện tử - viễn thông	
2.26	Âm thanh viên hạng III	1 (kiêm nhiệm)	Âm thanh viên hạng III	Hạng III	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành âm thanh, điện tử - viễn thông	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng CDNN tương ứng	Có bằng chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
2.27	Âm thanh viên hạng IV	1 (kiêm nhiệm)	Âm thanh viên hạng IV	Hạng IV	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành âm thanh; công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	
2.28	Quay phim viên hạng II	1	Quay phim viên	Hạng II	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành quay phim	
2.29	Quay phim viên hạng III	1	Quay phim viên	Hạng III		
2.30	Quay phim viên hạng IV	1	Quay phim viên	Hạng IV	Có bằng Trung cấp trở lên chuyên ngành Quay phim	
2.31	Kỹ thuật dựng phim hạng II	1	Kỹ thuật dựng phim hạng II	Hạng II	Có bằng Đại học trở lên chuyên ngành Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình, Công nghệ truyền hình, Công nghệ truyền thông, Truyền thông đa phương tiện. Trường hợp tốt nghiệp Đại học ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dựng phim hoặc có bằng Trung cấp, Cao đẳng chuyên ngành Dựng phim, Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình, Công nghệ truyền hình, Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	
2.32	Kỹ thuật dựng phim hạng III	1	Kỹ thuật dựng phim hạng III	Hạng III		
2.33	Kỹ thuật dựng phim hạng IV	1	Kỹ thuật dựng phim hạng IV	Hạng IV		
2.34	Phát thanh viên hạng II	1	Phát thanh viên hạng II	Hạng II	Có bằng Đại học trở lên	
2.35	Phát thanh viên hạng III	1	Phát thanh viên hạng III	Hạng III		
2.36	Phát thanh viên hạng IV	1	Phát thanh viên hạng IV	Hạng IV		
3	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	5				
3.1	Kế toán viên trung cấp	1	Kế toán viên trung cấp		Có bằng Cao đẳng trở lên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán.	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng CDNN tương ứng	Có bằng chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
3.2	Kế toán viên	1	Kế toán viên		Có bằng Đại học trở lên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán.	
3.3	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách Kế toán)	1 (kiêm nhiệm)			Có bằng Cao đẳng/Đại học trở lên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán.	
3.4	Văn thư viên trung cấp	1 (kiêm nhiệm)			Có bằng Trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư Hành chính, Văn thư - lưu trữ, Lưu trữ, Lưu trữ và Quản lý thông tin. Trường hợp có bằng Trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp	
3.5	Nhân viên Thủ quỹ	1 (kiêm nhiệm)			Có trình độ, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm	
4	VTVL hỗ trợ, phục vụ	2				
4.1	Nhân viên Bảo vệ	1			Hợp đồng lao động	
4.1	Nhân viên Phục vụ	1			Hợp đồng lao động	

B. CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

TT	Số lượng/hạng CDNN		Tỷ lệ viên chức theo hạng CDNN (không tính lãnh đạo, quản lý)
	Số lượng hạng CDNN	Hạng CDNN	
1	03	Hạng II hoặc tương đương	6%
		Hạng III hoặc tương đương	77%
		Hạng IV hoặc tương đương	17%